|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT ………………. | **Chữ kí GT1:** ........................... |
| **TRƯỜNG THPT**…………... | **Chữ kí GT2:** ........................... |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM - HƯỚNG NGHIỆP 11**

– **CHÂN TRỜI SÁNG TẠO (BẢN 2)**

**NĂM HỌC: 2023 - 2024**

**Thời gian làm bài: 45 phút *(****Không kể thời gian phát đề)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Họ và tên:** …………………………………… **Lớp**:………………..  **Số báo danh:** …………………………….……**Phòng KT**:………….. | **Mã phách** |

✂

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm bằng số** | **Điểm bằng chữ** | **Chữ ký của GK1** | **Chữ ký của GK2** | **Mã phách** |

**ĐỀ BÀI**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)**

**Câu 1 (0,5 điểm).** Theo em, xu hướng là gì?

1. Là sự phát triển hoặc thay đổi theo một hướng cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định.
2. Là sự phát triển hoặc biến đổi theo một hướng tích cực trong một khoảng thời gian ngắn nhất định nào đó.
3. Là sự phát triển hoặc thay đổi theo một hướng tiêu cực trong một khoảng thời gian nhất định.
4. Là sự phát triển hoặc biến đổi theo một hướng cụ thể trong một khoảng thời gian dài nhất định nào đó.

**Câu 2 (0,5 điểm).** Nhận định nào sau đây là **đúng** khi nói về điểm mạnh của một người khi tham gia ngành công tác xã hội?

1. Khả năng khái quát vấn đề còn hạn chế.
2. Chưa làm chủ được lời nói và cảm xúc.
3. Nói năng lưu loát, thuyết trình tốt.
4. Chưa thành thạo trong công nghệ thông tin.

**Câu 3 (0,5 điểm).** Đâu **không** phải sở trường của bản thân liên quan đến ngành công tác xã hội?

1. Thích các môn Khoa học xã hội.
2. Sử dụng tốt ngoại ngữ.
3. Có kĩ năng giao tiếp, ứng xử tốt.
4. Có khả năng sáng tạo.

**Câu 4 (0,5 điểm).** Theo em, năng lực là gì?

1. Là kiến thức, hành vi của một người hoặc một hệ thống để thực hiện công việc hay đạt được mục tiêu cụ thể.
2. Là khả năng, hành vi của một người hoặc một hệ thống để thực hiện công việc hay đạt được mục tiêu cụ thể.
3. Là kiến thức, khả năng của một người hoặc một hệ thống để thực hiện công việc hay đạt được mục tiêu cụ thể.
4. Là kiến thức, khả năng, hành vi của một người hoặc một hệ thống để thực hiện công việc hay đạt được mục tiêu cụ thể.

**Câu 5 (0,5 điểm).** Nhận định nào sau đây là **đúng** khi nói về yêu cầu của các công ty lữ hành trong việc tuyển dụng nhân sự?

1. Làm việc cho các công ty lữ hành và du lịch hoặc có bằng liên quan đến công việc du lịch, ngoại hình ưa nhìn, có kĩ năng xử lí tình huống khẩn cấp.
2. Là người có kiến thức chuyên sâu về các địa điểm du lịch, có kinh nghiệm ít nhất 2 năm đối với vị trí tương đương.
3. Có kinh nghiệm trong việc hướng dẫn du lịch, có ngoại hình ưa nhìn, tính cách cởi mở, thân thiện, hòa đồng, dưới 20 tuổi.
4. Có ngoại hình ưa nhìn, ngoại ngữ tốt, khéo léo trong giao tiếp, ứng xử, cẩn thận và chu đáo.

**Câu 6 (0,5 điểm).** Đâu **không** phải là một trong số cách phân loại nhóm nghề cơ bản?

1. Yêu cầu của nghề đối với người lao động.
2. Tính phức tạp của quá trình đào tạo nghề.
3. Những đặc điểm về sinh lí, nhận thức.
4. Hình thức, mối quan hệ lao động.

**Câu 7 (0,5 điểm).** Ý kiến nào sau đây **không** phải là nội dung cần có trong kế hoạch phát triển sở trường theo định hướng nghề nghiệp?

1. Nghề lựa chọn.
2. Sở trường.
3. Kế hoạch cụ thể.
4. Đối tượng hướng đến.

**Câu 8 (0,5 điểm).** Ý kiến nào sau đây **không** phải là cách để tìm hiểu về yêu cầu của nhà tuyển dụng?

1. Tham quan tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh.
2. Tìm hiểu thông tin trên website và fanpage của cơ sở.
3. Tìm hiểu thông qua nguồn thông tin từ các trang mạng chưa được kiểm duyệt.
4. Tham gia vào ngày hội tuyển sinh.

**Câu 9 (0,5 điểm).** Ý kiến nào sau đây **không** phải điều kiện thuận lợi trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, rèn luyện theo nhóm nghề, nghề lựa chọn?

1. Chưa xác định được hết những khó khăn có thể xảy ra.
2. Có kĩ năng lập kế hoạch.
3. Sự quyết tâm, mong muốn được trải nghiệm với nghề.
4. Sự hỗ trợ từ người thân, bạn bè.

**Câu 10 (0,5 điểm).** Ý kiến nào sau đây **không** phải yêu cầu về phẩm chất và năng lực hợp lí của nhà tuyển dụng đối với vị trí công nhân ngành may mặc?

1. Chăm chỉ, cần cù.
2. Có chứng chỉ tin học văn phòng.
3. Có sức khỏe tốt.
4. Có chứng chỉ hoặc bằng đào tạo ngành may mặc.

**Câu 11 (0,5 điểm).** Vì sao cần đánh giá khó khăn, thuận lợi trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện bản thân theo nhóm nghề đã lựa chọn?

1. Để đáp ứng yêu cầu chung trong việc luyện tập và phát triển bản thân.
2. Để đáp ứng yêu cầu cơ bản của toàn xã hội về người lao động.
3. Để dễ dàng thực hiện kế hoạch rèn luyện bản thân đáp ứng với yêu cầu nghề nghiệp.
4. Để đáp ứng yêu cầu cơ riêng của mỗi nhà tuyển dụng trong xã hội hiện đại.

**Câu 12 (0,5 điểm).** Vì sao cần tìm hiểu các yêu cầu của nhà tuyển dụng về phẩm chất và năng lực của người lao động?

1. Để đáp ứng yêu cầu cơ bản của toàn xã hội về người lao động trong tương lai.
2. Để có định hướng rèn luyện sao cho bản thân phù hợp với những yêu cầu của nhà tuyển dụng từ đó nâng cao cơ hội việc làm.
3. Để đáp ứng yêu cầu chung của các nhà tuyển dụng trong xã hội hiện đại từ đó lựa chọn được vị trí làm việc phù hợp.
4. Để đáp ứng yêu cầu chung về mọi ngành nghề trong xã hội hiện đại từ đó tăng cơ hội nghề nghiệp.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (4,0 điểm)**

**Câu 1 (3,0 điểm).** Lên kế hoạch học tập, rèn luyện theo định hướng nghề nghiệp em lựa chọn theo mẫu sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KẾ HOẠCH HỌC TẬP, RÈN LUYỆN THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP**  **Mục tiêu:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Nội dung học tập, rèn luyện** | **Cách thực hiện** | **Thời gian** | **Người hỗ trợ** | **Kết quả thực hiện** | | ... | ... | ... | ... | ... | | ... | ... | ... | ... | ... | |

**Câu 2 (1,0 điểm).** Nêu một số trường hợp đảm bảo hoặc chưa đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của người lao động.

**BÀI LÀM**

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
|  |

✄

**BÀI LÀM:**

………………………………………………………………………………………....

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………....

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………....

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………....

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………....

…………………………………………………………………………………………

**TRƯỜNG THPT** ......................................

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ 2 (2023** - **2024)**

**MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM – HƯỚNG NGHIỆP 11**

**BỘ CHÂN TRỜI SÁNG TẠO (BẢN 2)**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)**

*Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** |
| A | C | D | D | D | C |
| **Câu 7** | **Câu 8** | **Câu 9** | **Câu 10** | **Câu 11** | **Câu 12** |
| D | C | A | B | C | B |

**B. PHẦN TỰ LUẬN (4,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1**  **(3,0 điểm**) | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **KẾ HOẠCH HỌC TẬP, RÈN LUYỆN THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP**  **Mục tiêu:** Nâng cao kết quả học tập các môn: Ngữ văn, Lịch sử,... để đáp ứng nhu cầu tuyển sinh của ngành Báo chí   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Nội dung học tập, rèn luyện** | **Cách thực hiện** | **Thời gian** | **Người hỗ trợ** | **Kết quả dự kiến** | | Nâng cao kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận; kĩ năng viết | - Tự viết về quan điểm, cách nhìn nhận về cuộc sống.  - Tập viết bài báo ngắn... | Cuối ngày cuối tuần | - Giáo viên.  - Các bạn cũng định hướng. | Mỗi tuần 1 bài. | | Tăng cường kiến thức về văn học và ngôn ngữ | - Đọc truyện, đọc báo.  - Làm thơ. | Thời gian rảnh rỗi. | - Người thân.  - Thầy cô, bạn bè. | Mỗi tuần đọc 1 tác phẩm văn học. | | | **1,0 điểm**  **1,0 điểm**  **1,0 điểm** |
| **Câu 2**  **(1,0 điểm)** | *- Những trường hợp đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp:*  + Được trang bị và tuân thủ đầy đủ cách sử dụng phương tiện, công cụ lao động an toàn.  + Biết đầy đủ thông tin về các yếu tố nguy hiểm, nguy hại tại nơi làm việc để có biện pháp phòng chống phù hợp...  *- Những trường hợp chưa đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp:*  + Không thực hiện đúng chế độ bảo hộ lao động như chăm sóc sức khỏe, khám bệnh nghề nghiệp theo định kì.  + Chủ quan không sử dụng các trang bị bảo hộ lao động như: quần áo, giày mũ, găng tay... | **0,5 điểm**  **0,5 điểm** |

**TRƯỜNG THPT** ............................

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 (2023** - **2024)**

**MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM – HƯỚNG NGHIỆP 11**

**BỘ CHÂN TRỜI SÁNG TẠO (BẢN 2)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên bài học** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **VD cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **Chủ đề 7: Cở sở giáo dục và xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội** | 2 | 0 | 3 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | **6** | **1** | **4,0** |
| **Chủ đề 8: Rèn luyện bản thân theo nhóm nghề định lựa chọn** | 2 | 0 | 3 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | **6** | **1** | **6,0** |
| **Tổng số câu TN/TL** | **4** | **0** | **6** | **0** | **2** | **1** | **0** | **1** | **12** | **2** | **10,0** |
| **Điểm số** | **2,0** | **0** | **3,0** | **0** | **1,0** | **3,0** | **0** | **1,0** | **6,0** | **4,0** | **10,0** |
| **Tổng số điểm** | **2,0 điểm**  **20%** | | **3,0 điểm**  **30%** | | **4,0 điểm**  **40%** | | **1,0 điểm**  **10%** | | **10 điểm**  **100 %** | | **10 điểm** | |

**TRƯỜNG THPT** ............................

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 (2023** - **2024)**

**MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM – HƯỚNG NGHIỆP 11**

**BỘ CHÂN TRỜI SÁNG TẠO (BẢN 2)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu TL/**  **Số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| **TN**  **(số câu)** | **TL**  **(số câu)** | **TN** | **TL** |
| **Chủ đề 7** | | | **6** | **1** |  |  |
| **Cở sở giáo dục và xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội** | Nhận biết | - Nhận diện được định nghĩa của xu hướng.  - Nhận diện được yêu cầu của các công ty lữ hành trong việc tuyển dụng nhân sự. | 2 |  | C1, C5 |  |
| Thông hiểu | - Nhận diện được ý **không** phải là một trong số cách phân loại nhóm nghề cơ bản.  - Nhận diện được ý **không** phải là cách để tìm hiểu về yêu cầu của nhà tuyển dụng.  - Nhận diện được đâu **không** phải yêu cầu về phẩm chất và năng lực hợp lí của nhà tuyển dụng đối với vị trí công nhân ngành may mặc. | 3 |  | C6, C8  C10 |  |
| Vận dụng | - Nhận diện được lí do cần tìm hiểu các yêu cầu của nhà tuyển dụng về phẩm chất và năng lực của người lao động. | 1 | 1 | C12 |  |
| Vận dụng cao | - Nêu một số trường hợp đảm bảo hoặc chưa đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của người lao động. |  |  |  | C2 (TL) |
| **Chủ đề 8** | | | **6** | **1** |  |  |
| **Rèn luyện bản thân theo nhóm nghề định lựa chọn** | Nhận biết | - Nhận diện được điểm mạnh của một người khi tham gia ngành công tác xã hội.  - Nhận diện được định nghĩa của năng lực. | 2 |  | C2  C4 |  |
| Thông hiểu | - Nhận diện được biểu hiện **không** phải sở trường của bản thân liên quan đến ngành công tác xã hội.  - Nhận diện được ý **không** phải là nội dung cần có trong kế hoạch phát triển sở trường theo định hướng nghề nghiệp.  - Nhận diện ý **không** phải điều kiện thuận lợi trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, rèn luyện theo nhóm nghề, nghề lựa chọn. | 3 |  | C3  C7  C9 |  |
| Vận dụng | - Nhận diện lí do cần đánh giá khó khăn, thuận lợi trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện bản thân theo nhóm nghề đã lựa chọn.  - Lên kế hoạch học tập, rèn luyện theo định hướng nghề nghiệp em lựa chọn theo mẫu. | 1 |  | C11 | C1 (TL) |
| Vận dụng cao |  |  |  |  |  |